

BÁO CÁO
Kết quả tự đánh giá, chấm điểm
Chỉ số cải cách hành chính năm 2021

Thực hiện Quyết định số 838/QĐ-BNV ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Công văn số 23/BNV-CCHC ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ Nội vụ về việc triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của tỉnh, cụ thể như sau:

- Tổng điểm tự đánh giá: **60.9928/65.00 điểm**. Trong đó:
 - Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính: **7.00/7.00 điểm**;
 - Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh: **4.90/5.00 điểm**;
 - Cải cách thủ tục hành chính: **13.2128/13.50 điểm**;
 - Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: **7.00/7.00 điểm**;
 - Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC: **6.50/7.50 điểm**;
 - Cải cách tài chính công: **7.38/8.00 điểm**;
 - Hiện đại hóa hành chính: **11.00/11.00 điểm**;
 - Tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: **4.00/6.00 điểm**.

(Chi tiết theo Bảng tổng hợp kết quả đính kèm Báo cáo)

2. Về giải trình các nội dung đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần: Nội dung giải trình tương ứng theo Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của tỉnh Bình Định.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Vụ Cải cách hành chính (Bộ Nội vụ);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NV, TP, TC, TTTT, KHCCN, KHĐT;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

BẢNG TỔNG HỢP
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	7.00	7.00	
1.1	<i>Thực hiện kế hoạch CCHC</i>	1.50	1.50	Thực hiện Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2021. Tỉnh đã hoàn thành 31/31 nhiệm vụ cải cách hành chính đã đề ra trong năm 2021. Tài liệu kiểm chứng: - Báo cáo cải cách hành chính năm 2020 (Báo cáo số 224/BC-UBND ngày 24/12/2021) - Danh sách nhiệm vụ cải cách hành chính
1.2	<i>Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ</i>	0.50	0.50	Các báo cáo cải cách hành chính định kỳ trong năm 2021 của tỉnh Bình Định đảm bảo số lượng, nội dung theo quy định. Cụ thể: - Báo cáo Quý I số 43/BC-UBND ngày 24/3/2021; - Báo cáo 06 tháng đầu năm số 98/BC-UBND ngày 24/6/2021; - Báo cáo Quý III số 163/BC-UBND ngày 24/9/2021; - Báo cáo năm 2021 số 224/BC-UBND ngày 24/12/2021.
1.3	<i>Công tác kiểm tra CCHC</i>	2.00	2.00	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện được kiểm tra trong năm	1.00	1.00	Thực hiện Quyết định 3140/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021, trong năm 2020, tỉnh Bình Định đã thành lập các Đoàn kiểm tra và đã tiến hành kiểm tra công tác cải cách hành chính 06/21 sở, ngành; 05/11 huyện, thành phố (đạt tỷ lệ: 34,38%) Tài liệu kiểm chứng: Các Thông báo kết quả kiểm tra tại các đơn vị.
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1.00	1.00	Qua kiểm tra công tác cải cách hành chính, các đoàn kiểm tra đã nêu ra 28 tồn tại hạn chế trong công tác cải cách hành chính của các đơn vị, địa phương. Qua theo dõi và báo cáo khắc phục của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã khắc phục được 28/28 tồn tại, hạn chế hoặc kiến nghị xử lý, đạt tỷ lệ 100% Tài liệu kiểm chứng: Các báo cáo kết quả khắc phục tồn tại hạn chế của các đơn vị, địa phương
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1.00	1.00	Ngày 02/11/2021, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh đã tổ chức cuộc họp phân tích kết quả Chỉ số CCHC (PAR Index), Chỉ số SIPAS, Chỉ số PAPI của tỉnh năm 2020, đề ra các giải pháp nâng cao các chỉ số trong thời gian đến; công bố kết quả chỉ số CCHC và chỉ số khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; Công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC tiếp tục được đa dạng hóa qua nhiều hình thức như: Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tài khoản Zalo chính thức (Zalo Official Account) của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trang thông tin điện tử của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định thực hiện nhiều phóng sự tuyên truyền tập trung các nội dung như: tuyên truyền Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình hành động của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 –

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				<p>2025; kết quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, địa phương; kết quả triển khai dịch vụ “Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính” và sử dụng kết quả sử dụng bản sao điện tử để thực hiện dịch vụ công trực tuyến; kết quả đạt được sau 03 năm thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ</p> <p>Báo Bình Định và các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh, chuyên trang “Chính quyền điện tử Bình Định”, “Công Dịch vụ công tỉnh Bình Định” trên nền tảng ứng dụng Zalo đã có nhiều tin, bài viết, phóng sự tuyên truyền bám sát các ý kiến chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác CCHC; về kết quả Chỉ số PAR Index, PCI, SIPAS, PAPI của tỉnh năm 2020</p>
1.5	<i>Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính</i>	2.00	2.00	<p>Tong năm 2021, tỉnh Bình Định có 03 sáng kiến, giải pháp cấp tỉnh về cải cách hành chính như sau:</p> <p>a) Quy định về trình tự, thủ tục thi tuyển, xét tuyển đối với công chức cấp xã</p> <p>Nội dung: Việc quy định về trình tự, thủ tục thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã đã bám sát những quy định của pháp luật đồng thời quy định cụ thể các bước thực hiện trong từng phương thức tuyển dụng để các địa phương cũng như các đối tượng được tuyển dụng dễ dàng tiếp cận và theo dõi. Theo Quy chế này, thi tuyển công chức cấp xã thực hiện 2 vòng thi. Vòng 1 thi trắc nghiệm Kiến thức chung và Tin học; vòng 2 thi kiến thức chuyên ngành (phỏng vấn hoặc thi viết). Việc xét tuyển, bổ nhiệm Chỉ huy trưởng quân sự và các trường hợp tuyển dụng công chức cấp xã không qua thi tuyển, xét tuyển thực hiện kiểm tra hồ sơ và kiểm tra sát hạch. Trong các trường hợp không qua thi tuyển, xét tuyển, chỉ có một trường hợp không phải lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch là trước khi được bầu giữ chức vụ cán bộ cấp xã đã là công chức cấp xã.</p> <p>Hiệu quả mang lại:</p> <p>Quy chế đã quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng tuyển dụng, các ban giúp việc của Hội đồng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của giám thị phòng thi và quy trình tổ chức tuyển dụng. Quy chế đã được UBND tỉnh thống nhất ban hành tại Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND và có hiệu lực thi</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				<p>hành từ ngày 15/9/2020. Kết quả tổ chức triển khai thực hiện: đã có 11/11 đơn vị cấp huyện triển khai thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng: Quyết định công nhận sáng kiến số 2349/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh (Sáng kiến số 4)</p> <p>b) Quy định thực hiện liên thông nhóm TTHC Cấp Phiếu lý lịch tư pháp - Cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và nhóm thủ tục hành chính Cấp Phiếu lý lịch tư pháp - Cấp Chứng chỉ hành nghề dược</p> <p>* Hiệu quả mang lại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm thời gian, số lượt đi lại giữa các cơ quan và đơn giản hóa thành phần hồ sơ (vì kết quả giải quyết TTHC “Cấp Phiếu lý lịch tư pháp” là thành phần hồ sơ đầu vào của TTHC “Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh” và TTHC Cấp “Chứng chỉ hành nghề dược”). Khi thực hiện liên thông các nhóm TTHC nêu trên, người dân chỉ cần tới Bộ phận Một cửa của Sở Y tế để nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề KCB/dược (thay vì phải tới Sở Tư pháp để nộp hồ sơ “Cấp Phiếu lý lịch tư pháp”, sau khi có kết quả là Phiếu lý lịch tư pháp, người dân lại tới Sở Y tế để nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề KCB/dược). - Rút ngắn tổng thời gian giải quyết đối với 02 nhóm TTHC này như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Nhóm TTHC Cấp Phiếu lý lịch tư pháp - Cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh: giảm từ 40 ngày làm việc (Cấp Phiếu lý lịch tư pháp: 10 ngày, Cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh: 30 ngày) xuống còn 27 ngày làm việc. + Nhóm TTHC Cấp Phiếu lý lịch tư pháp - Cấp Chứng chỉ hành nghề dược: giảm từ 21 ngày làm việc (Cấp Phiếu lý lịch tư pháp: 10 ngày, Cấp Chứng chỉ hành nghề dược: 11 ngày) xuống còn 12 ngày làm việc. <p>Tài liệu kiểm chứng: Quyết định số 4490/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND tỉnh</p> <p>c) Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4”</p> <p>* Hiệu quả mang lại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến; tỷ lệ giao

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				<p>dịch thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính, phí, lệ phí giải quyết TTHC. Đồng thời, tăng cường nhận thức của đoàn viên, thanh niên, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công trực tuyến, lợi ích của việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện TTHC; tăng cường cơ hội tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của người dân, doanh nghiệp.</p> <p>- Từng bước thay đổi thói quen của người dân, doanh nghiệp trong việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến để thay thế việc thực hiện TTHC bằng phương thức truyền thống, hình thành thói quen sử dụng các dịch vụ chính quyền số, xã hội số; từ đó, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện chuyển đổi số, đưa chuyển đổi số đi vào đời sống của người dân, doanh nghiệp.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng: Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh</p>
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH	5.00	4.90	
2.1	<i>Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)</i>	<i>2.00</i>	<i>2.00</i>	
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1.00	1.00	<p>Tỉnh Bình Định đã thực hiện đầy đủ 03 hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong năm, đã thực hiện 02 cuộc thu tập thông tin và điều tra khảo sát tình hình thi hành pháp luật; 02 cuộc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực: Bảo vệ môi trường, đăng ký biện pháp bảo đảm.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 4076/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Đoàn kiểm tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Bình Định; - Kế hoạch số 42/KH-STP ngày 14/10/2021 về kiểm tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Bình Định; - Báo cáo số 212/BC-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh báo cáo công tác

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định; - Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 01/01/2022 của UBND tỉnh báo cáo kết quả kiểm tra, khảo sát công tác thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường biển, hải đảo năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1.00	1.00	Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thực thi pháp luật trên địa bàn tỉnh, tỉnh Bình Định đã ban hành đầy đủ văn bản kiến kiến nghị Chính phủ, các bộ ngành Trung ương xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP Tài liệu kiểm chứng: - Báo cáo số 212/BC-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định; - Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 01/01/2022 của UBND tỉnh báo cáo kết quả kiểm tra, khảo sát công tác thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường biển, hải đảo năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định
2.2	<i>Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)</i>	1.50	1.50	
2.2.1	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	0.50	0.50	Tỉnh đã kịp thời công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định. Tài liệu kiểm chứng: Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh Công bố Danh mục văn bản QPPL của UBND, HĐND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ, và hết hiệu lực một phần
2.2.2	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát	1.00	1.00	Trong năm 2021, tỉnh có 102 văn bản cần được xử lý; đến nay, đã hoàn thành xử lý 102 văn bản. Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo số 194/BC-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Tổng kết công tác tư pháp 2021 và phương hướng nhiệm vụ, giải pháp năm 2022.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	1.50	1.40	Trong năm 2021, tỉnh có 10 văn bản trái luật cần được xử lý; đến nay, đã hoàn thành xử lý 08 văn bản. Còn 02 văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (Các dự thảo Quyết định đã được tổ chức lấy ý kiến góp ý và đang trong giai đoạn hoàn thiện) Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo số 197/BC-UBND ngày 27/11/2021 của UBND tỉnh kết quả thực hiện Kết luận kiểm tra của Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	13.50	13.2128	
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	1.00	1.00	
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0.50	0.50	Trong năm 2021, tỉnh Bình Định không ban hành TTHC trái thẩm quyền. Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo kiểm soát TTHC số 222/BC-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	0.50	0.50	Chủ tịch UBND tỉnh đã thông qua phương án đơn giản hóa đối với 18/18 TTHC theo Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2021 của tỉnh. Ngoài ra, UBND tỉnh đã phê duyệt bổ sung phương án đơn giản hóa đối với 34 TTHC do Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh đề xuất ngoài Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của tỉnh. Tài liệu kiểm chứng: Khoản 4 Mục I Báo cáo kiểm soát TTHC số 222/BC-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh
3.2	Công bố, công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ	3.50	3.50	
3.2.1	Công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	0.25	0.25	Năm 2021, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 96 Quyết định công bố Danh mục TTHC với 999 TTHC (ban hành mới 160 TTHC, sửa đổi, bổ sung 607 TTHC, thay thế 68 TTHC, bãi bỏ 164 TTHC) đảm bảo đúng quy định. Tài liệu kiểm chứng: Khoản 3 Mục I Báo cáo kiểm soát TTHC số 222/BC-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
3.2.2	Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	0.25	0.25	Tỉnh đã kịp thời nhập các TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia khi công bố theo đúng quy định Tài liệu kiểm chứng: Khoản 3 Mục I Báo cáo kiểm soát TTHC số 222/BC-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh
3.2.3	Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC	0.75	0.75	Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 91 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 41 TTHC liên thông và 239 TTHC không liên thông theo đúng quy định. Tài liệu kiểm chứng: Khoản 7 Mục I Báo cáo kiểm soát TTHC số 222/BC-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh
3.2.4	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	0.75	0.75	100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo kiểm soát TTHC số 222/BC-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh
3.2.5	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị	0.75	0.75	- 100% số TTHC cấp tỉnh, huyện, xã được công khai trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ https://dichvucong.binhdingh.gov.vn/ - 21/21 Sở, ban, ngành, 11/11 UBND cấp huyện công khai đầy đủ TTHC trên Trang thông tin điện tử của đơn vị trên cơ sở dẫn link từ Cổng Dịch vụ công của tỉnh.
3.2.6	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh	0.75	0.75	- Tại mục “Kết quả giải quyết hồ sơ” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Định: https://www.binhdingh.gov.vn/inetcloud/portal/main/page/home.ivt - Mục “Tra cứu hồ sơ” và “Thống kê” trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (https://dichvucong.binhdingh.gov.vn/dichvucong/tracuu; https://dichvucong.binhdingh.gov.vn/binhdingh/thongke).
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	3.00	2.75	
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	1.00	1.00	- 1537/1537 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (sở, ban, ngành) được tiếp nhận và trả kết quả giải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, đạt tỷ lệ 100%. - 385/385 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện được tiếp nhận và

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				<p>trả kết quả giải tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, đạt tỷ lệ 100%.</p> <p>- 170/170 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được tiếp nhận và trả kết quả giải tại Bộ phận Một cửa cấp xã, đạt tỷ lệ 100%.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo kiểm soát TTHC số 222/BC-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh - Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Bình Định.</p>
3.3.2	Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	0.50	0.25	<p>- Tỉnh Bình Định đã đưa 14/20 TTHC cấp tỉnh, 8/14 TTHC cấp huyện và 14/14 TTHC cấp xã của các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định, đạt tỷ lệ: 75%.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng: Danh sách TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành theo Quyết định số 4602/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh</p>
3.3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	0.75	0.75	<p>Hiện nay, tỉnh Bình Định có 107 TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm TTHC thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: 10 TTHC; - Nhóm TTHC thuộc Ban Quản lý khu kinh tế: 02 TTHC; - Nhóm TTHC Sở Kế hoạch và Đầu tư: 37 TTHC; - Nhóm TTHC Sở Công thương: 02 TTHC; - Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: 09 TTHC; - Nhóm TTHC Sở Xây dựng: 1 TTHC - Nhóm TTHC Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 02 TTHC - Nhóm TTHC thuộc Sở Nội vụ: 13 TTHC - Nhóm TTHC thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: 31 TTHC <p>Bên cạnh nhóm các TTHC nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố nhóm</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				TTHC liên thông Đăng ký hộ kinh doanh và Đăng ký thuế của hộ kinh doanh (Quyết định số 3672/QĐ-UBND ngày 07/9/2020), nhóm TTHC liên thông Cấp Phiếu lý lịch tư pháp - Cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, Cấp Phiếu lý lịch tư pháp - Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (Quyết định số 4490/QĐ-UBND ngày 11/11/2021). Tài liệu kiểm chứng: - Quyết định số 4490/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 - Quyết định số 3672/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 - Quyết định số 4659/QĐ-UBND ngày 13/12/2019
3.3.4	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	0.75	0.75	Hiện nay, tỉnh Bình Định có 132 TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền, gồm: - Nhóm TTHC thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: 40 TTHC; - Nhóm TTHC thuộc Sở Du lịch: 06 TTHC; - Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: 38 TTHC; - Nhóm TTHC Nội vụ: 07 TTHC - Nhóm TTHC Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 04 TTHC - Nhóm TTHC thuộc Sở Nội vụ: 13 TTHC - Nhóm TTHC thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: 24 TTHC Tài liệu kiểm chứng: - Quyết định số 4659/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	5.00	4.9628	
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1.50	1.4953	- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 61.603 hồ sơ - Số hồ sơ đã giải quyết đúng hạn: 61.411 hồ sơ - Tỷ lệ % hồ sơ được giải quyết đúng hạn: 99,69% Tài liệu kiểm chứng: Biểu số II.06c/VPCP/KSTT Báo cáo kiểm soát TTHC số 222/BC-UBND ngày 22/12/2021
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1.50	1.4804	- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 134.748 hồ sơ - Số hồ sơ đã giải quyết đúng hạn: 132.990 hồ sơ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				- Tỷ lệ % hồ sơ được giải quyết đúng hạn: 98,70% Tài liệu kiểm chứng: Biểu số II.06c/VPCP/KSTT Báo cáo kiểm soát TTHC số 222/BC-UBND ngày 22/12/2021
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1.00	0.9871	- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 260.308 hồ sơ - Số hồ sơ đã giải quyết đúng hạn: 256.937 hồ sơ - Tỷ lệ % hồ sơ được giải quyết đúng hạn: 98,71% Tài liệu kiểm chứng: Biểu số II.06c/VPCP/KSTT Báo cáo kiểm soát TTHC số 222/BC-UBND ngày 22/12/2021
3.4.4	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	0.25	0.25	Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện đầy đủ việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC Tài liệu kiểm chứng: Các thư xin lỗi khi bị trễ hẹn giải quyết.
3.4.5	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	0.75	0.75	Trên 80% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được đánh giá tốt; trên 80% UBND cấp huyện được đánh giá tốt và trên 80% UBND cấp xã được đánh giá tốt. Tài liệu kiểm chứng: Kết quả công khai trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh
3.5	<i>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh</i>	1.00	1.00	
3.5.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	0.75	0.75	Trong năm 2021, tỉnh Bình Định nhận được 149 phản ánh kiến nghị về TTHC, đã trả lời 149 PAKN. Tài liệu kiểm chứng: Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
3.5.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh	0.25	0.25	Tỉnh đã công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: (http://dichvucong.gov.vn/). Tài liệu kiểm chứng: Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH	7.00	7.00	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
	CHÍNH			
4.1	<i>Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy</i>	3.50	3.50	
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện	1.00	1.00	<p>UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 31/12/2020 triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 và Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; đồng thời, ngày 26/01/2021, Sở Nội vụ đã có Công văn số 155/SNV-TCBC hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong, giảm số lượng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các chi cục quản lý nhà nước trực thuộc các sở, ban, ngành và sắp xếp, bố trí số lượng cấp phó theo đúng quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/NĐ-CP và yêu cầu của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 98/KH-UBND.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh; - Công văn số 155/SNV-TCBC ngày 26/01/2021 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh; - Báo cáo số 161/BC-SNV ngày 07/12/2021 báo cáo Bộ Nội vụ về kết quả sắp xếp các tổ chức bên trong và bố trí số lượng cấp phó theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ. - Báo cáo số 44/BC-SNV ngày 17/5/2021 về kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ theo Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh. - Quyết định số 2912/QĐ-UBND ngày 12/07/2021 về việc quy định số lượng cấp phó của người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	1.50	1.50	<ul style="list-style-type: none"> - Đến nay, 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có số lượng cấp phó của người đứng đầu đảm bảo không vượt quá số lượng so với quy định (Phó Giám đốc có 60 người/ 20 cơ quan) - Đối với các phòng thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh: Số lượng lãnh đạo,

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				<p>quản lý của các tổ chức nêu trên đảm bảo ít hơn so với số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.</p> <p>- Đối với các phòng thuộc UBND cấp huyện: Số lượng lãnh đạo, quản lý của các tổ chức nêu trên đảm bảo ít hơn so với số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng:</p> <p>- Danh sách số lượng lãnh đạo quản lý kèm theo</p> <p>- Báo cáo số 161/BC-SNV ngày 07/12/2021 báo cáo Bộ Nội vụ về kết quả sắp xếp các tổ chức bên trong và bố trí số lượng cấp phó theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ</p>
4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015	1.00	1.00	<p>- Tổng số đơn vị SNCL trong năm 2015 là 873 đơn vị;</p> <p>- Tính đến ngày 31/12/2021 có 734 đơn vị SNCL; giảm 139 đơn vị so với năm 2015 (đạt tỷ lệ giảm 15,92% so với năm 2015).</p> <p>Tài liệu kiểm chứng:</p> <p>- Báo cáo số 100/BC-UBND ngày 29/6/2021 báo cáo Bộ Nội vụ về kết quả thực hiện việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p> <p>- Báo cáo số 184/BC-UBND ngày 15/11/2021 về Tổng kết việc thực hiện quản lý biên chế giai đoạn 2016 - 2021, và đề xuất biên chế giai đoạn 2022 - 2026 tỉnh Bình Định.</p>
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	2.50	2.50	
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	0.50	0.50	<p>Số lượng biên chế công chức được Bộ Nội vụ giao năm 2021 là 2.205 biên chế (bao gồm 06 biên chế của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định do do Bộ Nội vụ chuyển về tỉnh quản lý); số lượng biên chế đang sử dụng là 2.205 biên chế, không vượt quá số biên chế được giao.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng:</p> <p>- Quyết định số 763/QĐ-BNV ngày 12/10/2020 của Bộ Nội vụ về việc giao biên</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				<p>chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Bình Định năm 2021.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 569/QĐ-BNV ngày 01/5/2021 của Bộ Nội vụ về việc giao bổ sung biên chế công chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Bình Định năm 2021. - Quyết định 5279/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức, biên chế sự nghiệp; chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2021. - Quyết định số 1978/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 về việc giao bổ sung chỉ tiêu biên chế công chức và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2021 cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. - Báo cáo số 184/BC-UBND ngày 15/11/2021 về Tổng kết việc thực hiện quản lý biên chế giai đoạn 2016 - 2021, và đề xuất biên chế giai đoạn 2022 - 2026 tỉnh Bình Định.
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	0.50	0.50	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị SNCL của tỉnh năm 2021 (tính cả đơn vị SNCL thuộc UBND cấp tỉnh, thuộc CQCM cấp tỉnh, thuộc UBND cấp huyện) là 27.020 người, không vượt quá tổng số lượng người làm việc được giao. <p>Tài liệu kiểm chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 4345/BNV-TCBC ngày 20/8/2020 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Bình Định năm 2021; - Quyết định 5279/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức, biên chế sự nghiệp; chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2021. - Báo cáo số 184/BC-UBND ngày 15/11/2021 về Tổng kết việc thực hiện quản lý biên chế giai đoạn 2016 - 2021, và đề xuất biên chế giai đoạn 2022 - 2026 tỉnh Bình Định.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	1.50	1.50	Tổng số biên chế công chức từ năm 2015 đến năm 2021, tỉnh đã thực hiện tinh giản được 250/2.525 biên chế so với năm 2015, đạt tỷ lệ 10%, (không tính 76 biên chế của Chi cục Quản lý thị trường chuyển về Tổng cục Quản lý thị trường thuộc Bộ Công thương). Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo số 184/BC-UBND ngày 15/11/2021 về Tổng kết việc thực hiện quản lý biên chế giai đoạn 2016 - 2021, và đề xuất biên chế giai đoạn 2022 - 2026 tỉnh Bình Định.
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	1.00	1.00	
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	0.25	0.25	- Tỉnh Bình Định thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo quy định tại quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực. Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo số 82/BC-UBND ngày 26/7/2021 về tình hình, kết quả thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực giai đoạn 2016 – 2021 và định hướng tiếp tục thực hiện giai đoạn 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Bình Định.
4.3.2	Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	0.25	0.25	Hàng năm, các đơn vị cấp tỉnh đều thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã thông qua việc tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ như: kiểm tra tổ chức bộ máy, kiểm tra sử dụng vốn đầu tư, kiểm tra công tác quản lý xây dựng dự án ... Tài liệu kiểm chứng: Các kế hoạch kiểm tra, thanh tra của các cơ quan, đơn vị
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	0.50	0.50	Qua kiểm tra, 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được các Đoàn kiểm tra kiến nghị hoặc các cơ quan, đơn vị được kiểm tra tiếp thu và khắc phục Tài liệu kiểm chứng: - Các Kết luận thanh tra về công tác quản lý đầu tư, xây dựng dự án ...
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	7.50	6.50	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2.50	2.50	
5.1.1	Ban hành văn bản để hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	0.50	0.50	- Công văn số 2132/SNV-TCBC ngày 31/12/2020 về việc rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập - Công văn số 1361/SNV-TCBC ngày 28/7/2021 về việc thực hiện Nghị định 106/2020/NĐ-CP.
5.1.2	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1.00	1.00	100% các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Bình Định bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí Tài liệu kiểm chứng: Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm (gửi đại diện 05 quyết định phê duyệt của UBND tỉnh)
5.1.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1.00	1.00	Có 753/753 đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh bố trí viên chức theo vị trí việc làm theo danh mục được phê duyệt (đạt tỷ lệ 100%). Tài liệu kiểm chứng: Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm (gửi đại diện 05 quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền).
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	1.00	1.00	
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	0.50	0.50	100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Bình Định thực hiện tuyển dụng công chức theo đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Năm 2021, tỉnh Bình Định tổ chức tuyển dụng công chức cấp tỉnh, công tác tổ chức kỳ thi đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đối với tuyển dụng công chức cấp xã: Trong năm 2021, UBND thành phố Quy Nhơn, thị xã Hoài Nhơn, Thị xã An Nhơn, huyện Tuy Phước, huyện Tây Sơn, huyện Phù Cát, huyện Vĩnh Thạnh tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã. Việc tuyển dụng công chức cấp xã tại các huyện đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	0.50	0.50	Năm 2021, tỉnh đã tổ chức tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Trường cao đẳng Bình Định. Việc tuyển dụng viên chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Bình Định đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh	0.50	0.50	
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	0.25	0.25	Năm 2021, tỉnh Bình Định đã tổ chức 01 kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên chuyên viên chính sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	0.25	0.25	Năm 2021, tỉnh Bình Định đã tổ chức 01 kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên chuyên viên chính sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	0.75	0.75	100% lãnh đạo cấp sở, cấp phòng thuộc sở; cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm trong năm 2020 đảm bảo đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tài liệu kiểm chứng: - Báo cáo số 224/BC-UBND ngày 24/12/2021 về công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2021.
5.5	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1.25	0.75	
5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại	0.25	0.25	Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
	công chức, viên chức theo quy định			Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Tài liệu kiểm chứng: - Theo quy định của Bộ Nội vụ tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP các tỉnh thống kê, báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm gửi về Bộ Nội vụ trước ngày 01/3 hàng năm, do đó, đến thời điểm hiện nay, tỉnh chưa có kết quả đánh giá, phân loại năm 2021, tài liệu kiểm chứng theo báo cáo này là Công văn số 6943/UBND-NC ngày 02/11/2021 về việc đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC năm 2021
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1.00	0.5	Trong năm 2021, tỉnh Bình Định đã tổ chức 04 đợt kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại 05 cơ quan cấp tỉnh, 18 cơ quan chuyên môn cấp huyện, 64 UBND cấp xã, 03 đơn vị sự nghiệp và đoàn thể. Kết quả Đoàn kiểm tra đã kiến nghị cơ quan chủ quản kiểm tra, xử lý 05 đơn vị cấp xã. Kết quả kiểm tra có 01 lãnh đạo cấp sở và 01 lãnh đạo cấp phòng thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh vi phạm bị xử lý kỷ luật mức cảnh cáo.
5.6	<i>Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</i>	1.00	1.00	Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021, tỉnh Bình Định đã tổ chức 10 lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, đạt 100% kế hoạch đề ra. Tài liệu kiểm chứng: - Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 - Các thông báo triệu tập tập học viên
5.7	<i>Cán bộ, công chức cấp xã</i>	0.5	0	
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	0.25	0	Tính đến ngày 31/12/2021, toàn tỉnh có 1.449/1.451 công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định, đạt 99.86%. Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo về số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0.25	0	Tính đến ngày 31/12/2021, toàn tỉnh có 1626/1642 cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định, đạt 99.03%

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo về số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	8.00	7.38	
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	3.00	2.88	
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN)	1.00	0.88	- Kế hoạch giải ngân đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021: 7.813 tỷ đồng; - Thực hiện giải ngân đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021: 6.856 tỷ đồng; - Tỷ lệ giải ngân đạt: 87.75%. - Tài liệu kiểm chứng: Bảng tổng hợp tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2021
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1.00	1.00	Tỉnh Bình Định không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính trong năm 2021. Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo số 30/BC-UBND ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo các Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ.
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1.00	1.00	Tỉnh đã thực hiện 100% theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực III về chấn chỉnh công tác quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước. Tài liệu kiểm chứng: Công văn số 507/KVIII-TH ngày 29/12/2021 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực III về việc gửi báo cáo kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán.
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2.00	2.00	
6.2.1	Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công	0.50	0.50	Tỉnh Bình Định đã ban hành đầy đủ các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công. Tài liệu kiểm chứng:

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				<p>- Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng:</p> <p>+ Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định. (https://congbao.binhdinh.gov.vn/congbao/congbao.nsf/NoiDung?openForm&ParentUNID=98D29BADFCAD9B04725854600001379).</p> <p>+ Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh quy định định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định. (https://congbao.binhdinh.gov.vn/congbao/congbao.nsf/NoiDung?openForm&ParentUNID=79EEA7120A0857EC4725854600001454).</p> <p>+ Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định. (http://vbpl.vn/binhdinh/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=139508)</p> <p>- Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô chuyên dùng:</p> <p>+ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định. (https://congbao.binhdinh.gov.vn/congbao/congbao.nsf/NoiDung?openForm&ParentUNID=AD13801541A152FB47258546000014A1).</p> <p>+ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh Bình Định bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định. (https://congbao.binhdinh.gov.vn/congbao/congbao.nsf/NoiDung?OpenForm&ParentUNID=243380AFF642B8F54725869C000AEC67)</p> <p>+ Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				<p>chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định. https://congbao.binhdinhh.gov.vn/congbao/congbao.nsf/NoiDung?OpenForm&ParentUNID=DC30635260B7AA7D4725878E00060439)</p> <p>+ Đối với việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế: theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 07/2020/TT-BYT ngày 14/5/2020 của Bộ Y tế giao cho cơ quan, đơn vị sự nghiệp y tế (Sở Y tế) xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, đơn vị và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư này.</p> <p>+ Đối với việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng đối với xe ô tô chuyên dùng khác theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP: UBND tỉnh có Công văn số 5512/UBND-TH ngày 17/8/2020 trong đó chỉ đạo tạm dừng việc xây dựng, trình ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù trên địa bàn tỉnh, chờ Bộ Tài chính hướng dẫn. Ngày 09/9/2021, Bộ Tài chính có Công văn số 10337/BTC-QLCS hướng dẫn xác định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của tỉnh Bình Định. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính và tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, Sở Tài chính đã có Công văn số 146/STC-QLGCS ngày 14/01/2022 tham mưu UBND tỉnh có Công văn số 394/UBND-TH ngày 20/01/2022 báo cáo Bộ Tài chính báo cáo Bộ Tài chính tham mưu Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù để địa phương có cơ sở tổ chức thực hiện.</p> <p>- Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng:</p> <p>+ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định. https://congbao.binhdinhh.gov.vn/congbao/congbao.nsf/NoiDung?openForm&ParentUNID=3E682152F97C3A9D47258546000138D)</p> <p>+ Đối với Quy định về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp trong lĩnh vực y tế: Sở Tài chính đã trình UBND tỉnh phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				<p>nghiệp trong lĩnh vực y tế tại Tờ trình số 20/TTr-STC ngày 14/01/2022.</p> <p>+ Đối với Quy định về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Sở Tài chính đã trình UBND tỉnh phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích công</p>
6.2.2	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0.50	0.50	<p>100% các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng: Bảng thống kê các cơ quan, đơn vị đã Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (có số Quyết định ban hành)</p>
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0.75	0.75	<p>Thực hiện Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công. Đến nay đã đạt 98,28% số cơ sở, nhà đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số liệu cơ sở nhà, đất phải sắp xếp: 3.141 cơ sở; - Số cơ sở nhà đất đã được phê duyệt: 3.087 cơ sở; <p>Tài liệu kiểm chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định số 4787/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (đợt 1). + Quyết định số 5018/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh (đợt 2). + Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với 03 cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước do Trung tâm Phát triển nhà và Tư vấn xây dựng thuộc Sở Xây dựng quản lý.
6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	0.25	0.25	<p>Trong năm, Tỉnh đã tổ chức kiểm tra, rà soát việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				Tài liệu kiểm chứng: - Kế hoạch kiểm tra: Kế hoạch số 14/KH-STC ngày 26/02/2021 của Sở Tài chính Kiểm tra việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại một số đơn vị sự nghiệp công lập. - Biên bản kiểm tra. - Báo cáo kết quả kiểm tra: Báo cáo số 89/BC-STC ngày 26/02/2021 của Sở Tài chính Kết quả kiểm tra việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại một số đơn vị sự nghiệp công lập
6.3	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)</i>	3.00	2.50	
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	0.50	0.50	Năm 2021, tỉnh Bình Định có thêm 02 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên so với năm 2020 Tài liệu kiểm chứng: - Quyết định số 2729/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Vĩnh Thạnh phê duyệt phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Thạnh giai đoạn 2020 - 2022 - Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh về việc giao thực hiện cơ chế tự chủ cho Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2023 (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ tự đảm bảo chi thường xuyên lên tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư).
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0.50	0	Năm 2021, tỉnh Bình Định không có thêm đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên
6.3.3	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL.	1.00	1.00	100% đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện không có sai phạm về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên. Tài liệu kiểm chứng: - Theo quy định tại Điều 22 Thông tư 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính, thời gian gửi báo cáo tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				về Bộ Tài chính trước ngày 31/3 hàng năm, do đó, đến thời điểm hiện nay, tỉnh chưa có số liệu báo cáo trong năm 2021. - Tài liệu kiểm chứng theo báo cáo này là kết quả năm 2020: Báo cáo số 47/BC-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh về việc báo cáo Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2020.
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	1.00	1.00	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp năm 2021 so với năm 2015 của tỉnh đạt 26,2%. Cụ thể: - Năm 2015: 2.656.337 triệu đồng; - Năm 2021: 1.960.484 triệu đồng; Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	11.00	11.00	
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh	7.25	7.25	
7.1.1	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	0.50	0.50	Tỉnh Bình Định đã ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử và tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông. Tài liệu kiểm chứng: - Quyết định số 5360/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định (phiên bản 2.0) - Các văn bản thẩm định của Sở Thông tin và truyền thông đối với các đơn vị về triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử và Kế hoạch tập huấn về Kiến trúc Chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh.
7.1.2	Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	0.50	0.50	Tỉnh đã xây dựng, vận hành và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo số 104/BC-BTTTT ngày 28/10/2021 của Bộ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				Thông tin và Truyền thông (100% các địa phương đã triển khai xong)
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	1.00	1.00	<p>Đến nay, tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh hoàn toàn dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật) đạt 100% (Số văn bản đi: 564.473; Số văn bản điện tử đi: 564.473)</p> <p>Tài liệu kiểm chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo số 224/BC-UBND ngày 24/12/2021 về công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2021
7.1.4	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	0.50	0.50	<p>Đến nay, 100% các sở, ngành, các phòng thuộc UBND cấp huyện đã triển khai thực hiện xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường mạng thông qua hệ thống Văn phòng điện tử và một cửa điện tử.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo số 222/BC-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh về kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2021; - Báo cáo số 224/BC-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh về công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2021
7.1.5	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	1.00	1.00	<p>Phần mềm quản lý văn bản đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến 100% UBND cấp xã.</p> <p>Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo số 224/BC-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh về công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2021</p>
7.1.6	Thiết lập Hệ thống thông tin một cửa điện tử	0.50	0.50	<p>Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh có đầy đủ chức năng theo quy định</p> <p>Tài liệu kiểm chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn số 07/2020/CN/MICCOE-BM07 ngày 09/12/2020 của Bộ Thông tin và truyền thông;
7.1.7	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	0.75	0.75	<p>Tài liệu kiểm chứng: Khoản 7 Mục I Báo cáo kiểm soát TTHC số 222/BC-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
7.1.8	Xây dựng, vận hành Cổng dịch vụ công (DVC)	0.50	0.50	Tài liệu kiểm chứng: Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn số 07/2020/CN/MICCOE-BM07 ngày 09/12/2020 của Bộ Thông tin và truyền thông
7.1.9	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia	1.00	1.00	Tổng số DVC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh là : 1.032 Tổng số DVC đã tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia là: 1.032 Tài liệu kiểm chứng: - Công văn số 40/VPUBND-KSTT ngày 18/01/2022, - Công văn số 651/VPUBND-KSTT ngày 18/11/2021, - Công văn số 367/VPUBND-KSTT ngày 20/7/2021.
7.1.10	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	0.50	0.50	Tỉnh đã xây dựng hệ thống thông tin báo cáo đầy đủ chức năng, yêu cầu kỹ thuật tuân thủ các quy định Tài liệu kiểm chứng: - Công văn số 7949/UBND-KSTT ngày 30/11/2020 về việc triển khai thí điểm Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh - Công văn số 552/VPUBND-TTTHCB ngày 03/12/2020 về việc đề nghị khởi tạo tên miền cho Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (tên miền: https://baocao.binhdin.gov.vn) - Công văn số 3897/UBND-KSTT ngày 02/07/2021 về việc tiếp tục tham mưu triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh
7.1.11	Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	0.50	0.50	Đã kết nối tích hợp 07 biểu mẫu báo cáo được quy định tại Công văn số 7798/VPCP-KSTT ngày 18/9/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đã báo cáo số liệu đầy đủ hoàn thiện trên hệ thống https://baocao.binhdin.gov.vn
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1.50	1.50	
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0.50	0.50	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 là 452 TTHC. Trong đó, có 351 TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến. Đạt tỷ lệ 77.65%. Tài liệu kiểm chứng: Công văn số 744/VPUBND-TTPVHCC ngày 16/12/2021

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				về việc cung cấp số liệu dịch vụ công trực tuyến phục vụ báo cáo chỉ tiêu Nghị quyết số 17/NQ-CP
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4	1.00	1.00	- Đã tiếp nhận tổng số 176.292 hồ sơ TTHC bằng cả hình thức trực tuyến và truyền thống; trong đó, có 41.233 hồ sơ TTHC được tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến. Đạt tỷ lệ 23.4% . Tài liệu kiểm chứng: Công văn số 744/VPUBND-TTPVHCC ngày 16/12/2021 về việc cung cấp số liệu dịch vụ công trực tuyến phục vụ báo cáo chỉ tiêu Nghị quyết số 17/NQ-CP
7.3	<i>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)</i>	<i>1.25</i>	<i>1.25</i>	
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	0.25	0.25	Năm 2021, tỉnh có 138/164 TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (đạt 84,15%) Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo số 02/BC-STTTT ngày 05/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	0.50	0.50	Trong năm 2021, tỉnh tiếp nhận 45.620 hồ sơ, trong đó có 5.791 hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI (đạt 12.69%) Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo số 02/BC-STTTT ngày 05/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	0.50	0.50	Trong năm 2021, đã trả 57.823 hồ sơ, trong đó có 17.727 hồ sơ được trả kết quả qua dịch vụ BCCI (đạt 30.66 %) Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo số 02/BC-STTTT ngày 05/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông
7.4	<i>Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định</i>	<i>1.00</i>	<i>1.00</i>	
7.4.1	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện công bố ISO 9001 đúng quy định	0.50	0.50	Hiện nay, toàn tỉnh có 100% số CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện đã công bố và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo số 248/BC-SKHCHN ngày 07/12/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ
7.4.2	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	0.50	0.50	100% số CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện đã thực hiện tốt việc duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 theo quy định. Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo số 248/BC-SKHCHN ngày 07/12/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ
8	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA TỈNH	6.00	4.00	
8.2	<i>Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh</i>	<i>1.00</i>	<i>1.00</i>	- Năm 2020: Tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh là: 51.598 tỷ đồng. - Năm 2021: Tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh là: 104.340 tỷ đồng. Tài liệu kiểm chứng: - Báo cáo số 917/BC-SKHĐT ngày 31/12/2021 về tình hình thực hiện xúc tiến và hỗ trợ đầu tư tháng 12/2021 - Báo cáo số 31/BC-TTXXT ngày 31/12/2020 của Trung tâm Xúc tiến đầu tư
8.3	<i>Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh</i>	<i>2.00</i>	<i>1.00</i>	
8.3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	1.00	0	- Tổng số doanh nghiệp thành lập mới năm 2020 là 1083 doanh nghiệp, - Tổng số doanh nghiệp thành lập mới năm 2021 là 1000 doanh nghiệp, Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo số liệu đăng ký doanh nghiệp từ dữ liệu phần mềm đăng ký kinh doanh
8.3.2	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	1.00	1.00	- Tổng số thu ngân sách của tỉnh Bình Định năm 2020 là 12.919 tỷ đồng, trong số đó, đóng góp của khu vực doanh nghiệp là 5.268 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 40,7% . - Tổng số thu ngân sách của tỉnh năm 2021 là 13.707 tỷ đồng, trong số đó, đóng góp của khu vực doanh nghiệp là 6.050 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 44,1% Tài liệu kiểm chứng: - Công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2020 của tỉnh Bình Định trên được công khai trên trang web của Sở Tài chính, địa chỉ:

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình / Tài liệu kiểm chứng
				https://stc.binhdingh.gov.vn/portal/qd-so-5143qdubnd-23122021-qd-vv-cong-bo-cong-khai-quyet-toan-nsnn-nam-2020-cua-tinh-binh-dinh-20643 - Báo cáo kết quả thực hiện ngân sách nhà nước của tỉnh được công khai trên trang web của Sở Tài chính, địa chỉ: https://stc.binhdingh.gov.vn/portal/tinh-hinh-thuc-hien-du-toan-nsnn-nam-2021-20640
8.4	<i>Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao</i>	1.00	1.00	Dự toán thu NSNN năm 2021 được giao là 10.563 tỷ đồng, thực hiện 13.707 tỷ đồng, vượt 29,8% dự toán được giao. Tài liệu kiểm chứng: - Quyết định số 2040/QĐ-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2021; - Báo cáo kết quả thực hiện ngân sách nhà nước của tỉnh được công khai trên trang web của Sở Tài chính, địa chỉ: https://stc.binhdingh.gov.vn/portal/tinh-hinh-thuc-hien-du-toan-nsnn-nam-2021-20640
8.5	<i>Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)</i>	1.00	1.00	- Tỷ lệ GRDP của tỉnh năm 2020 tăng 3,61%. - Tỷ lệ GRDP của tỉnh năm 2021 tăng 4,11%. Tài liệu kiểm chứng: - Báo cáo số 224/BC-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định về hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2021; - Báo cáo số 211/BC-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh về công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2022.
8.6	<i>Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao</i>	1.00	0	- Hoàn thành 15/19 chỉ tiêu. Tỷ lệ: 78,95%. Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo số 211/BC-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh về công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2022.
	TỔNG ĐIỂM	65.00	60.9928	